

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 273/2019/HNGĐ-ST
Ngày 30-9-2019
V/v ly hôn, chia tài sản khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Á và bà Trương Thị Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Xuân Diệu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chánh Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 307/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2018 về việc: “*Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1963

Địa chỉ: Thôn MB 3, xã HP, huyện HN, tỉnh BD.

2. *Bị đơn:* Bà Võ Thị H, sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn MB 3, xã HP, huyện HN, tỉnh BD.

(Ông T và bà H có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Lê Văn T trình bày: Ông và bà H tự nguyện kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã HP ngày 16/8/2011. Sau kết hôn vợ chồng sống chung tại nhà riêng của ông ở thôn MB 3, xã HP, huyện HN, tỉnh BD. Trong thời gian chung sống mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nguyên nhân là do tính tình không hợp nên thường hay cãi vã, rồi bà H tự ý bỏ đi cho đến nay đã hơn 01 năm không về. Nay ông thấy vợ chồng không thể sống chung được nữa, ông yêu cầu được ly hôn. Con chung không có. Tài sản chung vợ chồng có làm mái hiên, xây luồng, sửa bếp, mua tủ lạnh tất cả đã được định giá 12.180.700 đồng, nay ly hôn ông yêu cầu được nhận sở hữu và thôi trả lại cho bà H ½ giá trị là 6.090.350 đồng.

Số tiền mượn của ông Th 4.000.000 đồng và vàng mượn của bà B 02 chỉ vàng 24k là mượn cho riêng ông. Toàn bộ số nợ này ông đã dùng tiền riêng của

ông đưa cho bà H trả nợ xong, chứ không phải tiền riêng của bà H và khi thi hành án để nhận nhà ở trong vụ án ly hôn với vợ trước, ông không có nhận sử dụng tiền của bà H 7.600.000 đồng. Do đó ông không chấp nhận yêu cầu của bà H là ông phải trả lại cho bà H 20.000.000 đồng.

- Bị đơn bà Võ Thị H trình bày: Bà và ông Tụ tự nguyện kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã HP ngày 16/8/2011. Trong thời gian chung sống mâu thuẫn xảy ra nguyên nhân là do tính tình không hợp nên vợ chồng thường hay cãi vã, vì không chịu đựng được nên bà bỏ về nhà cha mẹ ruột ở đến nay đã hơn 01 năm. Nay ông T yêu cầu ly hôn, bà thấy vợ chồng không thể sống chung được nữa bà đồng ý ly hôn. Con chung không có. Tài sản chung vợ chồng chỉ có: mái hiên, xây luống, sửa bếp, mua tủ lạnh, tất cả đã được định giá là 12.180.700 đồng. Sau ly hôn bà đồng ý giao cho ông T nhận sở hữu và yêu cầu ông T phải bồi trả lại cho bà ½ giá trị là 6.090.350 đồng.

Năm 2011 ông T phải thi hành án 20.000.000 đồng để nhận nhà ở trong vụ án ly hôn với người vợ trước bằng các khoản tiền: Tiền mượn của ông Th 4.000.000 đồng; vàng mượn của bà B 02 chỉ vàng 24k bán được 8.400.000 đồng và sử dụng tiền riêng của bà 7.600.000 đồng. Nợ ông Th, nợ bà B đã được trả nợ bằng tài sản riêng của bà, nay ly hôn bà yêu cầu ông T phải hoàn trả lại cho bà 20.000.000 đồng.

Tổng cộng tất cả ông T phải trả cho bà 26.090.350 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật và đề nghị Tòa án giải quyết: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của ông T và bà H; giao các tài sản chung như trong biên bản định giá cho ông Tụ nhận sở hữu và ông T bồi trả lại cho bà H 6.090.350 đồng. Chấp nhận yêu cầu của bà H, buộc ông T phải trả lại cho bà H 4.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24k; bác yêu cầu của bà H về việc đòi lại số tiền 7.600.000 đồng. Chi phí định giá bà H tự nguyện chịu. Án phí các bên phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án: “*Ly hôn và chia tài sản khi ly hôn*”, theo qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Võ Thị H có địa chỉ tại thôn MB 3, xã HP, huyện HN, tỉnh BĐ. Do đó Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông T và bà H tự nguyện kết hôn có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã HP cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 63/2011 (quyển số 02/2009) ngày 16/8/2011 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống mâu thuẫn xảy ra nguyên nhân là do tính tình không hợp nên vợ chồng thường hay cãi vã, vì sống không được với nhau nên bà H bỏ nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay đã hơn 01

năm. Nay cả hai thỏa thuận thuận tình ly hôn, việc thuận tình ly hôn này là hoàn toàn tự nguyện và có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có tu sửa lại nhà, như: làm mái hiên, xây luồng, sửa bếp, mua tủ lạnh, toàn bộ tài sản này theo giá đã định là 12.180.700 đồng. Ông T và bà H đã thống nhất giao toàn bộ tài sản này cho ông T nhận sở hữu và T phải có nghĩa vụ bồi trả lại cho bà H ½ giá trị là 6.090.350 đồng. Sự thỏa thuận này được Hội đồng xét xử chấp nhận là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Theo trình bày của bà H, bà đã trả nợ ông Th 4.000.000 đồng, trả nợ bà B 02 chỉ vàng 24k, được trả nợ bằng tài sản riêng của bà, do đó nay ly hôn bà yêu cầu ông T phải hoàn trả lại cho bà. Còn ông T thì trình bày các khoản trả nợ cho ông Th, cho bà B là tiền riêng của ông đưa cho bà H đi trả nợ, do đó ông không đồng ý với yêu cầu của bà H. Trình bày này của ông T không được bà H chấp nhận và ông T cũng không có chứng cứ nào cung cấp để chứng minh các khoản trả nợ cho ông Th, cho bà B là tài sản riêng của ông. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà H và buộc ông T phải hoàn trả lại cho bà H 4.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24k (theo xác minh tại thời điểm này có giá 3.920.000 đồng/chỉ) là có căn cứ và đúng với quy định tại khoản 4 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Bà H còn yêu cầu ông T phải hoàn trả lại cho bà 7.600.000 đồng, tiền riêng của bà đưa cho ông T để cùng 4.000.000 đồng tiền của ông Th và vàng mượn của bà B 02 chỉ vàng 24k bán được 8.400.000 đồng. Tổng cộng 20.000.000 đồng để đủ ông T nộp thi hành án nhận nhà trong vụ án ly hôn với người vợ trước. Yêu cầu này của bà H không được ông T đồng ý và bà H cũng không có chứng cứ nào cung cấp để chứng minh ông T đã nhận của bà 7.600.000 đồng. Do đó yêu cầu này của bà H không được Hội đồng xét xử chấp nhận, vì không có căn cứ.

[7] Chi phí định giá hết 1.500.000 đồng, bà H tự nguyện chịu đã nộp đủ và chi phí xong.

[8] Về án phí:

- Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Ông T phải chịu 300.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

- Án phí chia tài sản: Bà H phải chịu 304.517 đồng và 380.000 đồng, tổng cộng 684.517 đồng; ông T phải chịu 304.517 đồng và 592.000 đồng tổng cộng 896.517 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, 56, 59 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ông Lê Văn T và bà Võ Thị H thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Không có.

3. Về chia tài sản:

- Ông Lê Văn T được trọn quyền sở hữu các tài sản chung: Mái hiên nhà, tường xây luồng nhà, bếp, tủ lạnh. Buộc ông Lê Văn T phải thối trả lại cho bà Võ Thị H 6.090.350 đồng (Sáu triệu không trăm chín mươi ngàn ba trăm năm mươi đồng).

- Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Võ Thị H. Buộc ông Lê Văn T phải trả lại cho bà Võ Thị H 4.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24k (Bốn triệu đồng và hai chỉ vàng 24k).

- Bác yêu cầu của bà Võ Thị H về việc đòi ông Lê Văn T phải trả 7.600.000 đồng (Bảy triệu sáu trăm ngàn đồng).

4. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Ông Lê Văn T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) sung vào ngân sách nhà nước. Ông T đã tạm ứng đủ theo biên lai thu số 0008207 ngày 07/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN nên được tính trừ.

- Án phí chia tài sản: Bà Võ Thị H phải chịu 684.517 đồng (Sáu trăm tám mươi bốn ngàn năm trăm mười bảy đồng); ông Lê Văn T phải chịu 896.517 đồng (Tám trăm chín mươi sáu ngàn năm trăm mười bảy đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để Tòa án nhân dân tỉnh BD xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hoài Nhơn;
- Đương sự;
- UBND xã HP;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Vinh

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao để Toà án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử theo trình tự phúc thẩm.